

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Sáu
- Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, bản tự khai ngày 23/4/2024 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T trình bày như sau:

Do quen biết nên bà T có cho ông Đặng Văn B vay tổng cộng số tiền 40.000.000 đồng, cụ thể

- Ngày 01/8/2023 bà T cho ông B vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên lập Hợp đồng cho cá nhân vay tiền cùng ngày có chữ ký bên cho vay là bà T và bên vay tiền là ông Đặng Văn B, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/9/2023.

- Ngày 10/8/2023 bà T cho ông B vay 20.000.000 đồng. hai bên lập Hợp đồng cho cá nhân vay tiền cùng ngày có chữ ký bên cho vay là bà T và bên vay tiền là ông Đặng Văn B, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay từ ngày 10/8/2023 đến ngày 10/9/2023.

Từ khi vay tiền đến nay, ông B chỉ trả cho bà tổng cộng 2.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng; Bà T yêu cầu ông B phải trả tiền lãi từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/5/2024 theo mức lãi suất 1.67%/tháng. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Căn cước công dân của nguyên đơn, Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/8/2023 và ngày 10/8/2023 (bản sao).

Nguyên đơn xác định ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để cung cấp và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Đồng thời, xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập hoặc đưa thêm người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông B luôn vắng mặt không lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu phản tố cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Xét thấy việc ký hợp đồng vay bà Phạm Thị Ánh T cùng ông Đặng Văn B là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực và trách nhiệm hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các

bên. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay trong hợp đồng và hiện còn nợ của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng. Do đó việc bà T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn B trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng và phải trả lãi từ tháng 1/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,67% là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên bà T có trình bày ông B đã trả cho bà T 2.000.000 đồng tiền lãi nên cần khấu trừ số tiền này vào tiền lãi mà ông B cần phải trả cho bà T.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Đặng Văn B có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2]. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T có Đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đặng Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/8/2023 và ngày 10/8/2023 giữa bà T và ông Đặng Văn B được xác lập theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Căn cứ vào Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/8/2023 và ngày 10/8/2023 và theo lời trình bày của bà T có cơ sở xác định giữa Bà T và ông Đặng Văn B ký kết 02 Hợp đồng vay tài sản ngày 01/8/2023 và ngày 10/8/2023 thể hiện nội dung bà T cho ông B vay tổng số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày ký. Ông B đã trả cho bà T 2.000.000 đồng tiền lãi và không trả tiền gốc đúng hạn theo thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do bà T đưa ra. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Bà T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông B phải trả tiền lãi từ ngày 01/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/5/2024 theo mức lãi suất

1.67%/tháng là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại Điều 468 BLDS, theo đó lãi suất được tính như sau: 07 tháng x 40.000.000 đồng x 1.67% = 4.676.000 đồng, khấu trừ tiền lãi mà ông B đã trả cho bà T là 2.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi ông B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T là 4.676.000 đồng – 2.000.000 đồng = 2.676.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Đặng Văn B phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Bà T theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T đối với ông Đặng Văn B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đặng Văn B có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị Ánh T tổng cộng số tiền là 42.676.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 2.676.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Văn B phải chịu 2.132.300 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Phạm Thị Ánh T là 1.150.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007045 ngày 15/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THADS huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Nga

